



# TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

## SEMINAR

**Nghị định 08/2022/NĐ-CP**  
**Thông tư 02/2022/TT-BTNMT**

**Giới thiệu**

# QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỰC HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

**Đà Nẵng, tháng 3 năm 2022**

# **CĂN CỨ PHÁP LÝ**

## **NGHỊ ĐỊNH 08**

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.

# NGHỊ ĐỊNH 08

Chương I. Quy định chung

Chương II. Bảo vệ các thành phần môi trường và di sản thiên nhiên

Chương III. Phân vùng môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường

Chương IV. Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, đô thị, nông thôn và một số lĩnh vực

Chương V. Quản lý chất thải

Chương VI. Trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu

Chương VII. Quan trắc môi trường

Chương VIII. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường

Chương IX. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại về môi trường

Chương X. Công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường

Chương XI. Nguồn lực bảo vệ môi trường

Chương XII. Quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra và cung cấp dịch vụ công trực tuyến về bảo vệ môi trường

Chương XIII. Điều khoản thi hành

# **CĂN CỨ PHÁP LÝ**

## **THÔNG TƯ 02**

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

# THÔNG TƯ 02

Chương I. Quy định chung

Chương II. Bảo vệ các thành phần môi trường, di sản thiên nhiên

Chương III. Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và đăng ký môi trường

Chương IV. Quản lý chất thải, phế liệu nhập khẩu và kiểm soát các chất ô nhiễm

Chương V. Quan trắc môi trường, thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường và báo cáo môi trường

Chương VI. Một số nội dung khác

Chương VII. Tổ chức thực hiện

# NỘI DUNG

**MỤC 1. LĨNH VỰC QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**

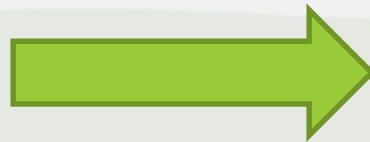
**MỤC 2. HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG**

**MỤC 3. BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG**



# **MỤC 1. LĨNH VỰC QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**

Nghị định 08



Quy định tại các điều:  
89, 90, 91, 92, 93, 94,  
95, 96, 97, 98.

Thông tư 02



Quy định tại các điều:  
4, 5, 6, 7, 49, 50, 51.



## I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – CÁC HOẠT ĐỘNG QTMT

### Điều 89. Các hoạt động quan trắc phục vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Chương trình quan trắc môi trường quốc gia.

Chương trình quan trắc môi trường địa phương.

Chương trình quan trắc môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Hoạt động dịch vụ quan trắc khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Hoạt động quan trắc môi trường phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường khác.

Hoạt động quan trắc môi trường phục vụ mục đích quản lý của ngành, lĩnh vực quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 109 Luật Bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định pháp luật của ngành, lĩnh vực.

## I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

**Điều 90. Đối tượng được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.**

Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thử nghiệm được thành lập theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

Tổ chức sự nghiệp công lập có chức năng hoạt động trong lĩnh vực môi trường được thành lập và hoạt động theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.



## I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

### **Điều 91. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.**

#### Điều kiện về năng lực quan trắc môi trường đối với tổ chức

- Có quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp, **trong đó có hoạt động quan trắc môi trường.**

- Năng lực quan trắc môi trường đối với tối thiểu một trong các nền mẫu môi trường bao gồm: nước mặt lục địa; nước thải; nước dưới đất; nước biển; không khí xung quanh; khí thải; đất; trầm tích; bùn; chất thải rắn; nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy.

- Năng lực phân tích môi trường đối với mỗi nền mẫu (trừ nền mẫu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị) mà tổ chức đề nghị chứng nhận phải bảo đảm điều kiện tối thiểu các thông số quy định về năng lực quan trắc hiện trường và phân tích.

## I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

**Điều 91. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.**

- Điều kiện về năng lực quan trắc môi trường đối với tổ chức

**Năng lực phân  
tích môi trường**

Cơ bản

Mẫu nước mặt lục địa hoặc nước thải: BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Tổng P và Tổng N.

Mẫu nước biển: TSS, NH<sub>4</sub>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>

Mẫu nước dưới đất: chỉ số pecmanganat, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, Fe.

Mẫu đất hoặc trầm tích hoặc bùn thải hoặc chất thải rắn: pH; các kim loại (gồm có: As, Cu, Zn, Pb, Ni, Cd, Cr, Hg) hoặc các hợp chất hữu cơ (Cl hoặc P).

Mẫu không khí: SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, tổng bụi lơ lửng (TSP).



# I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

## Điều 91. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Khoản 3: Điều kiện đối với hoạt động quan trắc hiện trường.

Khoản 4: Điều kiện đối với hoạt động phân tích môi trường.

| BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  | LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| <b>CHỨNG NHẬN</b><br><b>ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG</b><br><b>DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br><b>Số hiệu: VIMCERTS 244</b><br><i>(Cấp lần 1)</i><br><b>Tên tổ chức:</b> Trung tâm Quan trắc môi trường miền Trung và Tây Nguyên, thuộc Tổng cục Môi trường.<br><b>Trụ sở chính:</b> 154, Trần Văn Trà, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.<br><b>Quyết định số:</b> 1075 /QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường<br><b>Người đứng đầu tổ chức:</b><br>Họ và tên: Phạm Quang Hiếu      Chức vụ: Phó Giám đốc<br>CCCD số: 001072010327 do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 29 tháng 9 năm 2016<br><b>Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm</b><br>Từ ngày      tháng      năm 2019<br>Đến ngày      tháng      năm 2022 |  | <b>I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG</b><br><b>1. Nước:</b><br>- Nước mặt: Lấy mẫu: 06      Đo tại hiện trường: 08 thông số<br>- Nước thải: Lấy mẫu: 02      Đo tại hiện trường: 05 thông số<br>- Nước dưới đất: Lấy mẫu: 01      Đo tại hiện trường: 08 thông số<br>- Nước biển: Lấy mẫu: 04      Đo tại hiện trường: 07 thông số<br><b>2. Khí:</b><br>- Không khí xung quanh và môi trường lao động: Lấy mẫu: 08 thông số      Đo tại hiện trường: 06 thông số<br>- Khí thải: Lấy mẫu: 18 thông số      Đo tại hiện trường: 10 thông số<br><b>3. Đất:</b> Lấy mẫu: 01 thông số<br><b>4. Bùn:</b> Lấy mẫu: 01 thông số<br><b>5. Trầm tích:</b> Lấy mẫu: 01 thông số<br><b>6. Chất thải:</b> Lấy mẫu: 01 thông số<br><b>II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG</b><br><b>1. Nước:</b><br>- Nước mặt: 27 thông số<br>- Nước thải: 28 thông số<br>- Nước dưới đất: 25 thông số<br>- Nước biển: 23 thông số<br><b>2. Khí:</b><br>- Không khí xung quanh và môi trường lao động: 08 thông số<br>- Khí thải: 09 thông số<br><b>3. Đất:</b> 12 thông số<br><b>4. Bùn:</b> 11 thông số<br><b>5. Trầm tích:</b> 11 thông số<br><b>6. Chất thải:</b> 12 thông số<br>(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày      tháng      năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).<br>Hà Nội, ngày      tháng      năm 2019<br><b>KT. BỘ TRƯỞNG</b><br><b>THỦ TRƯỞNG</b><br><br>Võ Tuấn Nhân |  |

# I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

## Điều 91. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. (tiếp theo)

- Điều kiện đối với hoạt động quan trắc hiện trường:

+ Có tối thiểu 02 cán bộ chuyên trách hoạt động quan trắc tại hiện trường. Trường hợp lấy mẫu hiện trường đối với các thông số dạng hạt PM hoặc hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) trong khí thải thì phải có tối thiểu 04 cán bộ chuyên trách thực hiện hoạt động quan trắc tại hiện trường; các cán bộ có đủ năng lực thực hiện quan trắc hiện trường đối với các thông số đăng ký.

+ Phải có người trực tiếp phụ trách đội quan trắc tại hiện trường có trình độ đại học trở lên với một trong các chuyên ngành môi trường, hóa học, sinh học, lâm nghiệp, thổ nhưỡng và tối thiểu 02 năm kinh nghiệm lĩnh vực QTMT.

+ Các thiết bị phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định, bảo đảm độ chính xác theo đúng kỹ thuật quan trắc do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định; có quy trình thao tác chuẩn đối với tất cả các thiết bị quan trắc tại hiện trường; trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động cho cán bộ thực hiện quan trắc tại hiện trường.

+ Người thực hiện quan trắc tại hiện trường tối thiểu phải có trình độ sơ cấp tương ứng với ngạch quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV (chiếm không quá 30% đội ngũ người thực hiện quan trắc tại hiện trường).

# I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

## Điều 91. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. (tiếp theo)

### - Điều kiện đối với hoạt động phân tích môi trường:

+ Có tối thiểu 04 cán bộ chuyên trách thực hiện hoạt động phân tích môi trường theo các thành phần môi trường và thông số phân tích đề nghị chứng nhận; các cán bộ chuyên trách thực hiện hoạt động phân tích môi trường phải có đủ năng lực thực hiện quan trắc hiện trường đối với các thông số đăng ký.

+ Người thực hiện phân tích tại phòng thí nghiệm (trừ người quản lý phòng thí nghiệm và người phụ trách QA/QC) phải có trình độ trung cấp trở lên, được đào tạo trong lĩnh vực phân tích môi trường đề nghị chứng nhận.

+ Người quản lý PTN phải có trình độ đại học trở lên với một trong các chuyên ngành về hóa học, môi trường, sinh học và phải có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trình độ đại học, 03 năm kinh nghiệm trình độ thạc sĩ, 02 năm kinh nghiệm trình độ tiến sĩ trong lĩnh vực phân tích môi trường.

+ Người phụ trách QA/QC phòng thí nghiệm phải có trình độ đại học trở lên với một trong các chuyên ngành về hóa học, môi trường, sinh học và phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích môi trường.



# I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

## Điều 91. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

+ Thiết bị phân tích môi trường phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định, bảo đảm độ chính xác theo kỹ thuật phân tích do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định; có quy trình sử dụng, vận hành đối với tất cả các thiết bị; có đầy đủ các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động cho cán bộ phân tích môi trường.

- Điều kiện đối với hoạt động phân tích môi trường:

+ Thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh công nghiệp, an toàn phòng cháy, chữa cháy, việc thu gom, quản lý và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

+ Có quy trình thao tác chuẩn, báo cáo phương pháp phân tích do tổ chức phê duyệt đối với các thông số môi trường đăng ký.

+ Phòng thí nghiệm phải được tách riêng các khu vực theo yêu cầu gồm: khu vực bảo quản mẫu và lưu mẫu, khu vực xử lý mẫu và phân tích hóa lý, khu vực phân tích vi sinh, khu vực cân;  
+ Phải được bảo đảm duy trì tốt điều kiện thí nghiệm (về ánh sáng, nguồn điện, độ ẩm, nhiệt độ, vô trùng, chế độ thông gió) và đủ diện tích để thực hiện hoạt động phân tích theo yêu cầu của phương pháp phân tích.

## I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

**Điều 91. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.**

- Điều kiện quan trắc môi trường đối với tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ: Khoản 5, Điều 91, NĐ 08.



## I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

### **Điều 92. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (Mẫu quy định tại phụ lục 24 của ND 08)**

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường được cấp cho tổ chức đáp ứng các yêu cầu quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 91 Nghị định 08.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường có thời hạn hiệu lực là 36 tháng kể từ ngày cấp và có thể được cấp lại nhiều lần.

- Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy chứng nhận, thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận điều chỉnh nội dung là không thay đổi so với giấy chứng nhận đã cấp.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường gồm các nội dung chính sau:

a) Tên tổ chức, địa chỉ;

b) Lĩnh vực, phạm vi được cấp giấy chứng nhận;

c) Ngày cấp và hiệu lực của giấy chứng nhận;

d) Cơ quan cấp giấy chứng nhận.

## I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

### Điều 93. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Áp dụng

Tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận lần đầu hoặc tổ chức có nhu cầu cấp lại giấy chứng nhận.

Hồ sơ

Phụ lục 25, ND 08

Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Phụ lục 26, ND 08

Hồ sơ năng lực của tổ chức.

# I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

## Điều 93. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường





## I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Hướng dẫn chi tiết đối với quá trình cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện trong hoạt động quan trắc môi trường được hướng dẫn chi tiết tại Điều 49, Điều 50 và Điều 51 của **Thông tư 02**; Các biểu mẫu có liên quan đến Điều kiện tham gia hoạt động quan trắc môi trường được hướng dẫn chi tiết tại **Mẫu biểu số 01 đến Mẫu biểu số 06 của Phụ lục IV, Thông tư 02**.

- Điều 49. Thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
- Điều 50. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan được giao thẩm định

## I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

**Điều 94. Trình tự, thủ tục điều chỉnh nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

**Áp dụng**

giấy chứng nhận  
còn hiệu lực tối thiểu 06 tháng

Tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường muốn thay đổi lĩnh vực, phạm vi quan trắc tại hiện trường và phân tích môi trường so với nội dung giấy chứng nhận đã được cấp.

**Hồ sơ**

Phụ lục 27, ND 08

Phụ lục 26, ND 08

Văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Hồ sơ năng lực của tổ chức.

# I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

## Điều 93. Trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường



## I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

### Điều 95. Trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Tổ chức được cấp giấy chứng nhận

Bảo đảm

Duy trì các điều kiện năng lực theo đúng giấy chứng nhận đã được cấp.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ khi có sự thay đổi

Khi có sự thay đổi liên quan đến các điều kiện quy định tại Điều 91 Nghị định này, tổ chức phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phục vụ công tác thanh, kiểm tra

Lập **hồ sơ** bản giấy hoặc bản điện tử để lưu trữ và theo dõi riêng đối với hoạt động quan trắc môi trường mà tổ chức thực hiện.

Hồ sơ liên quan: sổ theo dõi hóa chất; các phiếu trả kết quả; hồ sơ quản lý sử dụng thiết bị quan trắc môi trường, sổ hoặc hệ thống theo dõi giao nhận mẫu phòng thí nghiệm, hồ sơ về bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng trong quan trắc môi trường, trong quản lý dữ liệu theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kỹ thuật quan trắc môi trường, biên bản thanh lý và các hình thức giao kết khác với khách hàng theo quy định của pháp luật về dân sự và các tài liệu liên quan khác.

# I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

## Điều 95. Trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường





## I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

### Điều 95. Trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Tổ chức được cấp giấy chứng nhận

Trường hợp tổ chức tự thực hiện việc quan trắc môi trường để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu của tổ chức, thực hiện việc quan trắc để theo dõi nội bộ mà không ký kết hợp đồng và không xuất phiếu kết quả quan trắc cho một bên thứ hai.

Không áp dụng các khoản 2, 3, 4, Điều 95

Không bắt buộc áp dụng các quy định từ bước lập hồ sơ theo dõi ở trên.

**No!**



# I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

**Điều 95. Trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**



# I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – CUNG CẤP, CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG CHO CỘNG ĐỒNG

**Điều 96. Yêu cầu kỹ thuật đối với tổ chức, cá nhân quan trắc môi trường nhằm cung cấp, công bố thông tin về chất lượng môi trường cho cộng đồng**

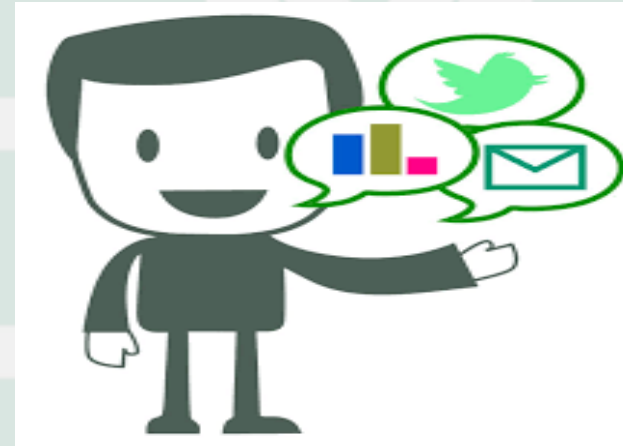
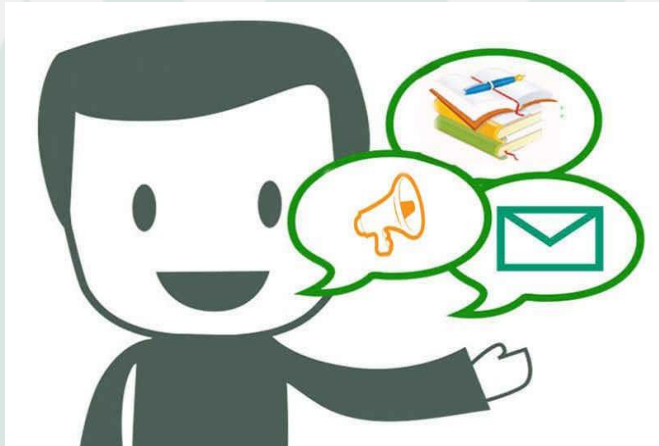
1. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện chương trình quan trắc chất lượng môi trường cấp quốc gia;
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện chương trình quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn quản lý.

Khoản 6, Điều 102, NĐ 08

Cung cấp, công bố thông tin

Khoản 2,3,4, Điều 102, NĐ 08

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quan trắc định kỳ, thường xuyên chất lượng môi trường đối với các thành phần môi trường và sử dụng kết quả quan trắc chất lượng môi trường.





## I. ĐIỀU KIỆN THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG – CUNG CẤP, CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG CHO CỘNG ĐỒNG

**Điều 96. Yêu cầu kỹ thuật đối với tổ chức, cá nhân quan trắc môi trường nhằm cung cấp, công bố thông tin về chất lượng môi trường cho cộng đồng**

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất lượng môi trường đối với các thành phần môi trường và sử dụng kết quả quan trắc tự động chất lượng môi trường.

Cung cấp,  
công bố  
thông tin



## II. CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG – MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

Nghị định 08/2022/NĐ-CP

### Điều 4. Nội dung kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt

1. Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt; xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, hành lang bảo vệ nguồn nước mặt; xác định khu vực sinh thủy.

2. Về loại và tổng lượng chất ô nhiễm thải vào môi trường nước mặt.

3. Về đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải.

4. Dự báo xu hướng diễn biến chất lượng môi trường nước mặt.

5. Về các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch.

6. Về biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước mặt; giải pháp hợp tác, chia sẻ thông tin và quản lý ô nhiễm nước mặt xuyên biên giới

7. Về giải pháp bảo vệ, cải thiện chất lượng môi trường nước mặt.



## II. CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG – MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

Nghị định 08/2022/NĐ-CP

### Điều 4. Nội dung kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt

**Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt**

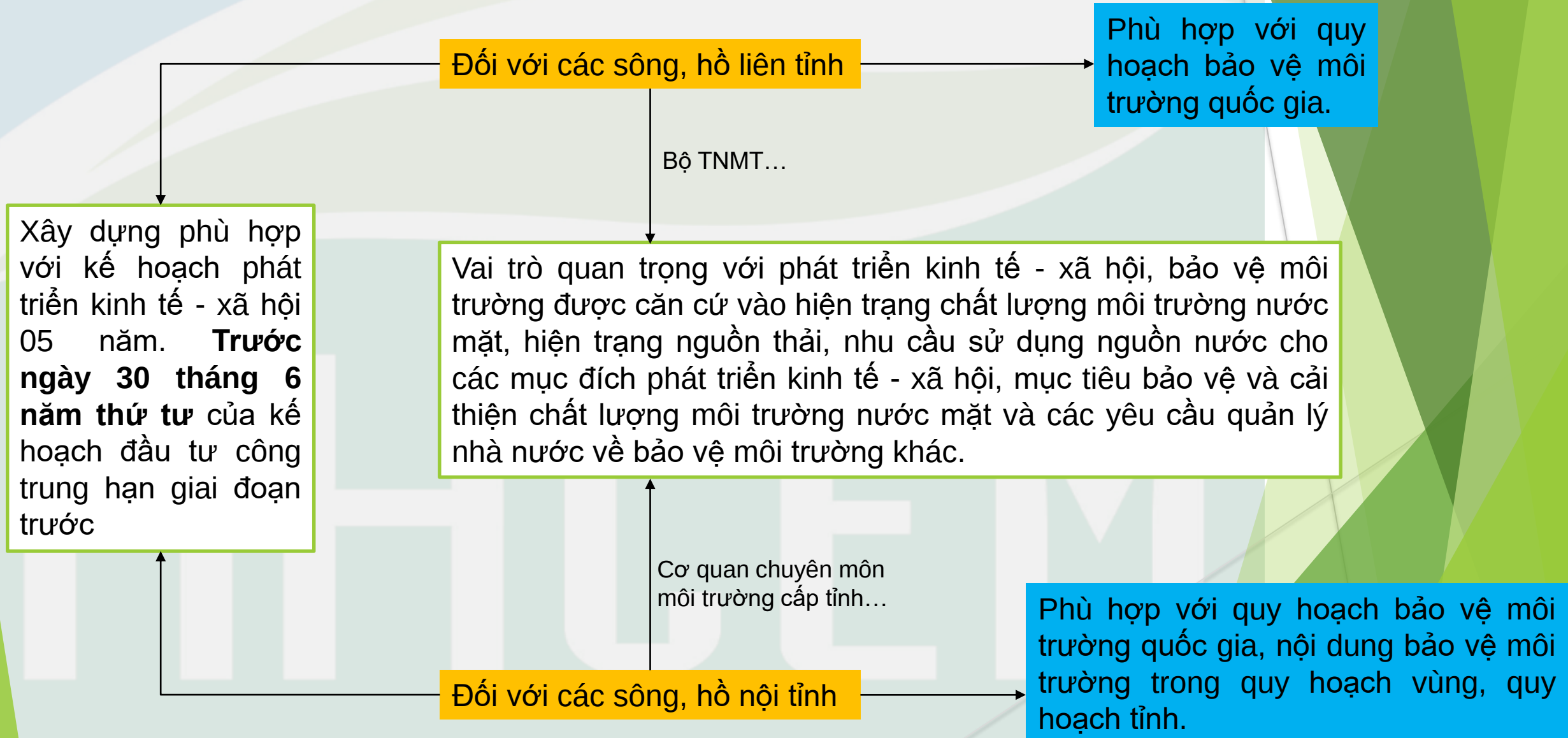
Quy định

- Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT.
- Điều 82, Thông tư 02: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ.

Theo  
hướng  
dẫn của  
Điều 4,  
Thông  
Tư 02



## **Điều 5. Trình tự, thủ tục ban hành kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt**



## II. CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG – MÔI TRƯỜNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Nghị định 08/2022/NĐ-CP

**Bảo vệ môi trường nước dưới đất**

Quy định

- Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT.
- Điều 13 Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Theo  
hướng  
dẫn của  
Điều 5,  
Thông  
Tư 02



## II. CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG – QUAN TRẮC NƯỚC THẢI

Nghị định 08/2022/NĐ-CP

### Quan trắc nước thải (Điều 97)

Mức lưu lượng xả nước thải được tính theo tổng công suất thiết kế của tất cả các công trình, thiết bị xả nước thải ra môi trường ghi trong giấy phép môi trường.

- Từ 200 m/ngày (24 giờ) đến dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ); mức lưu lượng xả nước thải lớn từ 500 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) trở lên

- Từ 500 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) đến dưới 1.000 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ); mức lưu lượng xả nước thải rất lớn từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên.

Đối tượng, mức lưu lượng xả nước thải và hình thức phải thực hiện quan trắc nước thải

Quy định

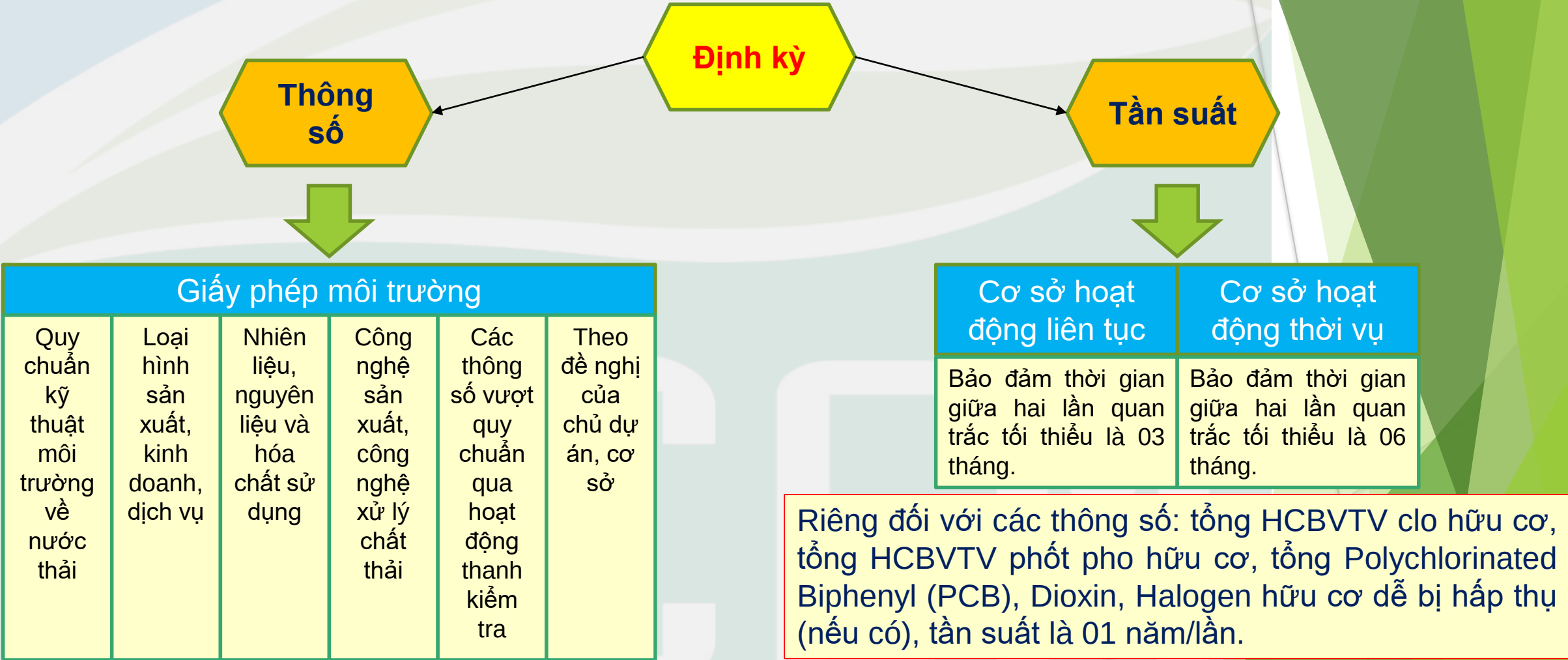
Phụ lục 28, Nghị định 08

**Định kỳ**

**Tự động, liên tục**

II. CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG – QUAN TRẮC NƯỚC THẢI

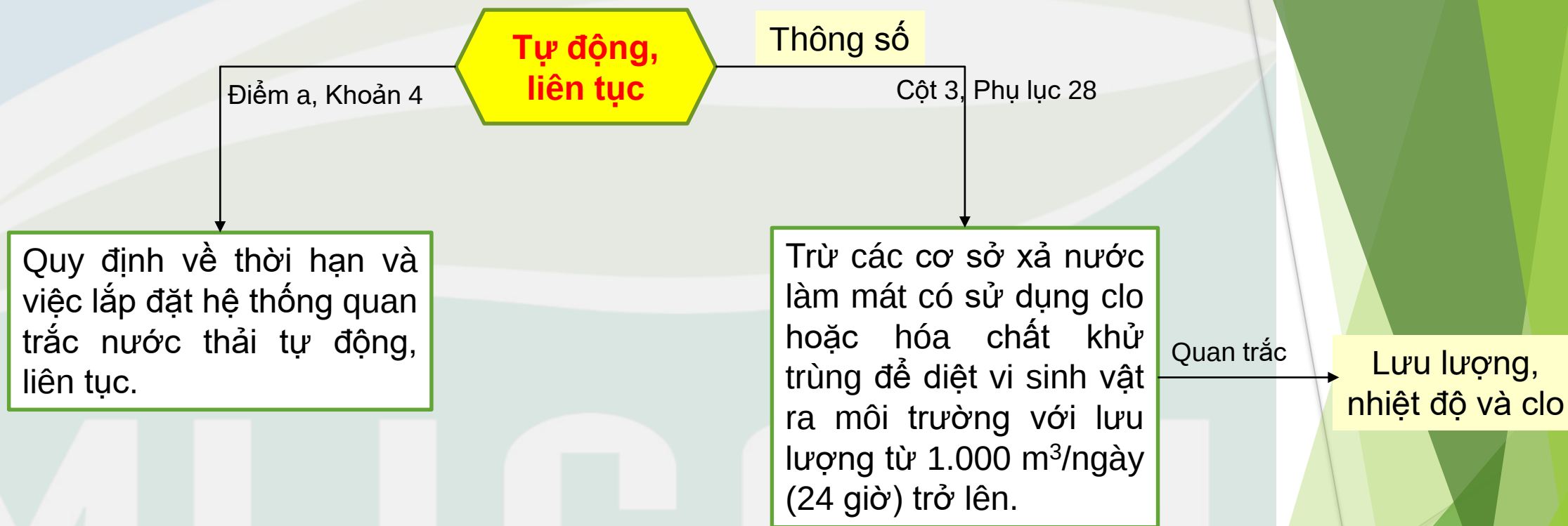
Nghị định 08/2022/NĐ-CP





## II. CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG – QUAN TRẮC NƯỚC THẢI

Nghị định 08/2022/NĐ-CP



Cơ sở thực hiện đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong 03 năm liên tiếp và không có vi phạm về hành vi xả nước thải thì được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

Giá trị được xác định theo giá trị trung bình ngày (24 giờ) của các kết quả đo. Trường hợp xả thải theo mẻ thì tính trung bình 01 giờ.

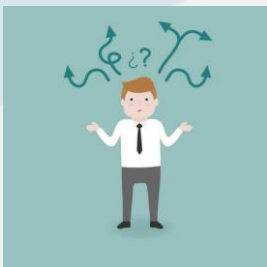
### Điều 6. Nội dung kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí

1. Về đánh giá công tác quản lý, kiểm soát ô nhiễm không khí cấp quốc gia; nhận định các nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường không khí.
2. Mục tiêu quản lý chất lượng môi trường không khí.
3. Nhiệm vụ và giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí.
4. Quy chế phối hợp, biện pháp quản lý chất lượng môi trường không khí liên vùng, liên tỉnh và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

## II. CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG – MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Nghị định 08/2022/NĐ-CP

### Điều 7. Trình tự, thủ tục ban hành kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí



Tổ chức lập, phê duyệt, triển khai đề án điều tra, đánh giá, xây dựng dự thảo kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí.

Phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

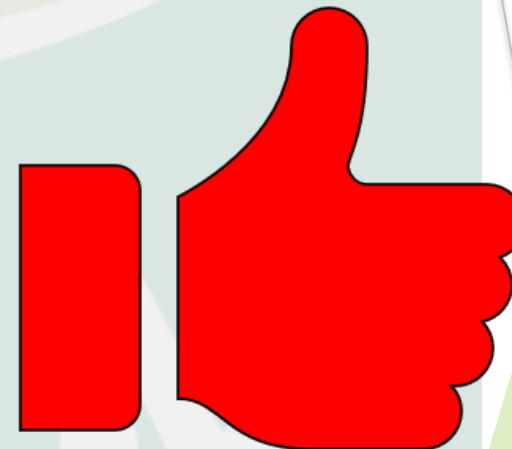
Xây dựng phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm. Trước ngày 30 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước

**Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí**

Bộ TNMT...

Bộ TNMT...

Gửi dự thảo kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí để lấy ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo kế hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.



### Điều 8. Nội dung kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh

1. Về đánh giá chất lượng môi trường không khí ở địa phương: hiện trạng chất lượng môi trường không khí khu vực đô thị, nông thôn và các khu vực khác.

2. Về đánh giá công tác quản lý chất lượng môi trường không khí; quan trắc môi trường không khí; xác định và đánh giá các nguồn phát thải khí thải chính; kiểm kê phát thải; mô hình hóa chất lượng môi trường không khí; thực trạng và hiệu quả của các giải pháp quản lý chất lượng không khí đang thực hiện; hiện trạng các chương trình, hệ thống quan trắc; tổng hợp, xác định, đánh giá các nguồn phát thải chính; thực hiện kiểm kê các nguồn phát thải chính và mô hình hóa chất lượng môi trường không khí.

3. Phân tích, nhận định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí.

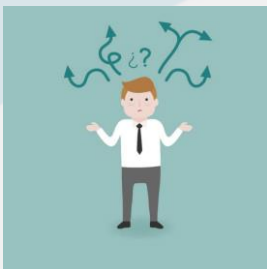
4. Về đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến sức khỏe cộng đồng.

5. Mục tiêu và phạm vi quản lý: hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí, hiện trạng công tác quản lý chất lượng môi trường không khí ở địa phương.

## II. CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG – MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Nghị định 08/2022/NĐ-CP

### Điều 9. Trình tự, thủ tục ban hành kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh



Tổ chức lập, phê duyệt, triển khai đề án điều tra, đánh giá, xây dựng dự thảo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

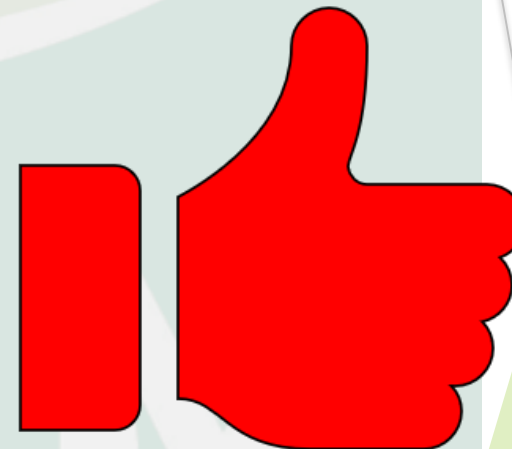
Phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

Xây dựng phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm. Trước ngày 30 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước

Cơ quan chuyên môn về BVMT cấp tỉnh..

**Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh**

Cơ quan chuyên môn về BVMT cấp tỉnh..



Gửi dự thảo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản; nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành.



## II. CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG – QUAN TRẮC BỤI, KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP

### Quan trắc khí thải công nghiệp (Điều 98)

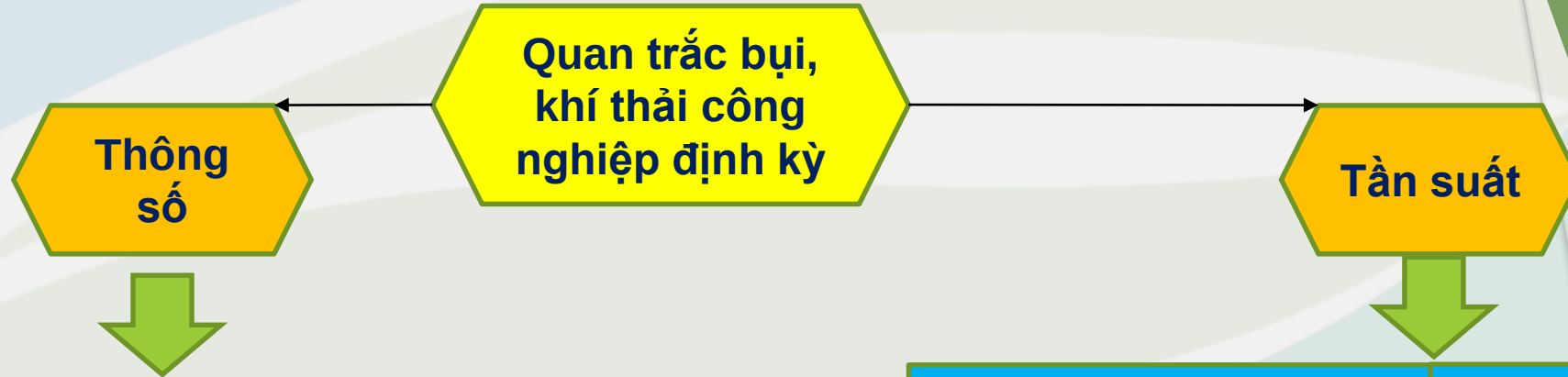
Mức lưu lượng xả bụi, khí thải công nghiệp của dự án, cơ sở được tính theo lưu lượng hoặc công suất thiết kế của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải công nghiệp ghi trong giấy phép môi trường.

Đối tượng, loại công trình, thiết bị xả bụi, khí thải và mức lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ.

Phụ lục 29, Nghị định 08



## II. CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG – QUAN TRẮC BỤI, KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP

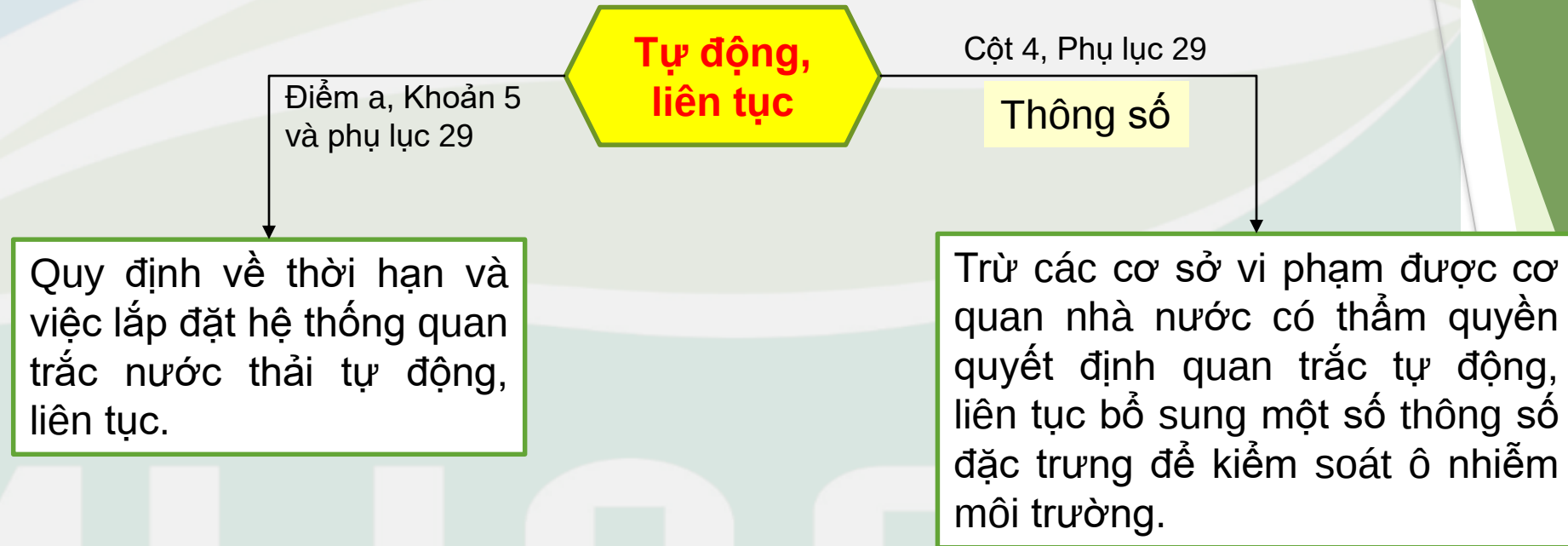


### Giấy phép môi trường

|                               |                                         |                                             |                                               |                                                          |                                   |
|-------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| Quy chuẩn kỹ thuật môi trường | Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ | Nhiên liệu, nguyên liệu và hóa chất sử dụng | Công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải | Các thông số vượt quy chuẩn qua hoạt động thanh kiểm tra | Theo đề nghị của chủ dự án, cơ sở |
|-------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------|

| Cơ sở hoạt động liên tục (ĐTM)                                             |                                                    |                                            | Cơ sở hoạt động liên tục (Ko ĐTM)                                        |                                                    |                                            |
|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 06 tháng/lần đối với các thông số: kim loại nặng, hợp chất hữu cơ (nếu có) | 01 năm/lần đối với thông số Dioxin/ Furan (nếu có) | 03 tháng/lần đối với các thông số còn lại. | 01 năm/lần đối với các thông số: kim loại nặng, hợp chất hữu cơ (nếu có) | 01 năm/lần đối với thông số Dioxin/ Furan (nếu có) | 03 tháng/lần đối với các thông số còn lại. |
| Cơ sở hoạt động liên tục                                                   |                                                    |                                            | Cơ sở hoạt động thời vụ                                                  |                                                    |                                            |
| Bảo đảm thời gian giữa hai lần quan trắc tối thiểu là 03 tháng.            |                                                    |                                            | Bảo đảm thời gian giữa hai lần quan trắc tối thiểu là 06 tháng.          |                                                    |                                            |

## II. CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG – QUAN TRẮC BỤI, KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP



Cơ sở thực hiện đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong 03 năm liên tiếp và không có vi phạm về hành vi xả thải vượt QCVN thì được miễn thực hiện quan trắc định kỳ.

Giá trị thông số quan trắc xác định theo giá trị trung bình ngày (24 giờ) của các kết quả đo. Trường hợp xả thải theo mẻ thì tính trung bình 01 giờ.

## II. CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG – MÔI TRƯỜNG ĐẤT

Nghị định 08/2022/NĐ-CP

### Quy định chi tiết từ Điều 11 đến Điều 18 của Nghị Định 08

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân trong bảo vệ môi trường đất.

Điều 12. Khu vực phải được điều tra, đánh giá, phân loại chất lượng môi trường đất

Điều 13. Điều tra, đánh giá, xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất do tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm

Điều 14. Điều tra, đánh giá, xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất thuộc trách nhiệm của nhà nước

Điều 15. Điều tra, đánh giá sơ bộ chất lượng môi trường đất

Điều 16. Điều tra, đánh giá chi tiết khu vực ô nhiễm môi trường đất

Điều 17. Xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường

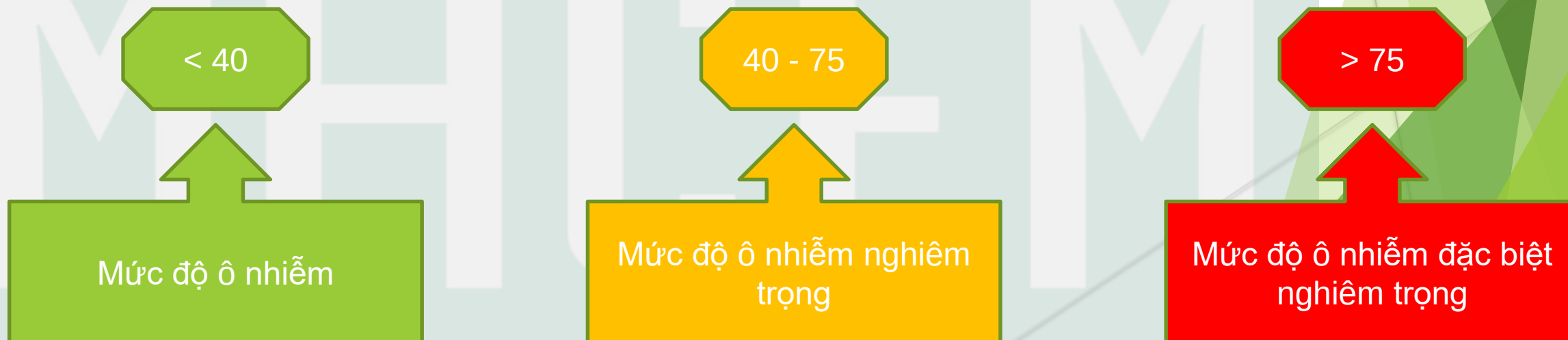
Điều 18. Kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng

### Điều 6. Nguyên tắc và tiêu chí xác định, phân loại khu vực ô nhiễm môi trường đất

Khu vực ô nhiễm môi trường đất được phân loại trên cơ sở tiêu chí về nguồn ô nhiễm tồn lưu, khả năng lan truyền ô nhiễm và đối tượng bị tác động.

#### Việc xác định mức độ ô nhiễm

Căn cứ vào tổng điểm đánh giá của các tiêu chí xác định mức độ ô nhiễm của khu vực ô nhiễm môi trường đất và tính điểm đánh giá các tiêu chí của khu vực ô nhiễm môi trường đất theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I.





### III. PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG, ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

#### Điều 22. Quy định chung về phân vùng môi trường



vùng bảo vệ nghiêm ngặt

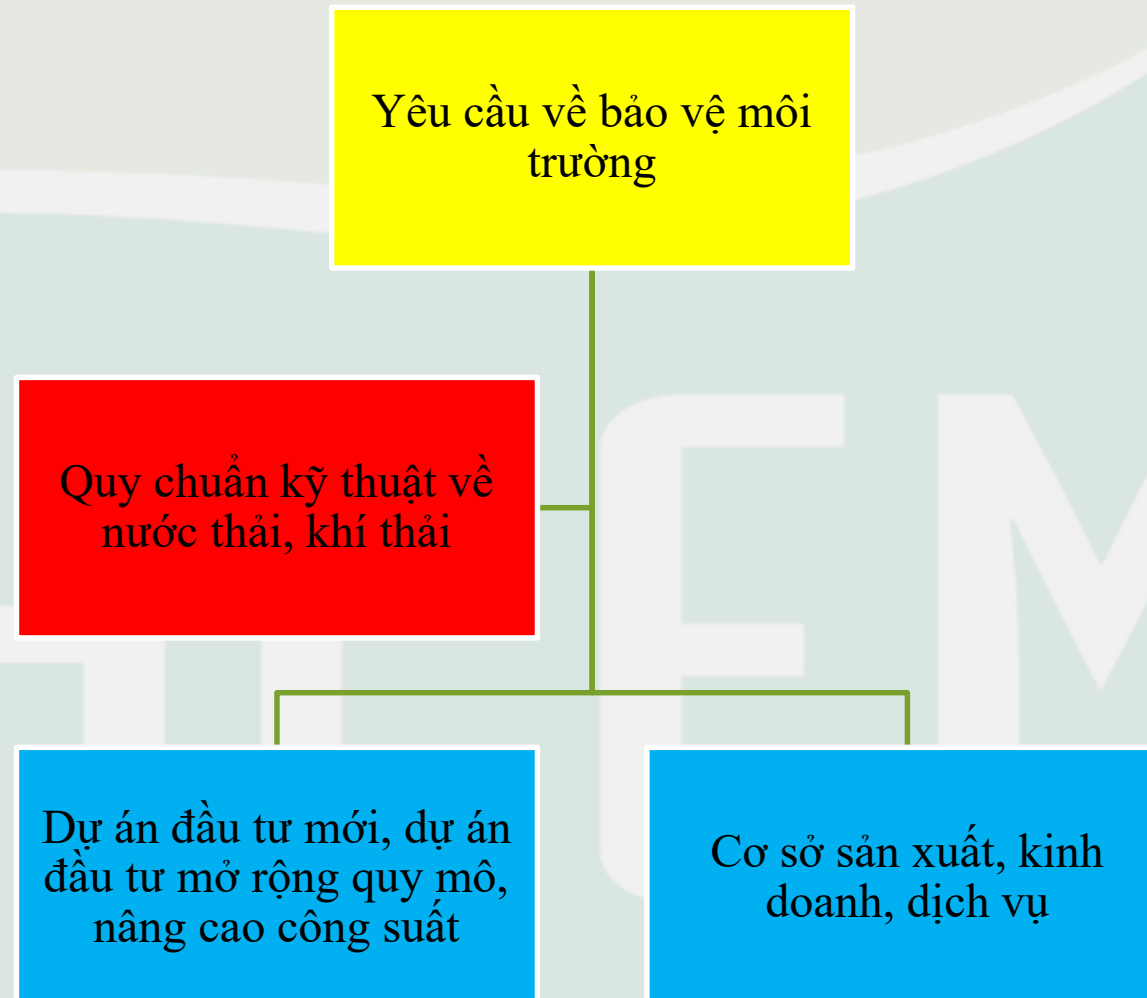
Tiêu chí về yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương

vùng hạn chế phát thải

vùng khác

### III. PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG, ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

#### Điều 23. Xác định vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải



### III. PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG, ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

#### Điều 25. Tiêu chí về môi trường và phân loại dự án đầu tư

| Quy mô dự án đầu tư                                                                                                                                                                                                                                        | Công suất của dự án đầu tư                                                                                                                                                                                     | Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ                                                                                                                                                                                | dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật</li> <li>• Quy mô diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước</li> <li>• Quy mô sử dụng khu vực biển</li> <li>• Quy mô khai thác tài nguyên thiên nhiên</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Phụ lục II</li> <li>• Được xác định trong hồ sơ đề xuất dự án đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II</li> <li>• Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường</li> <li>• Dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt</li> <li>• Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên</li> <li>• Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng</li> <li>• Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên</li> <li>• Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư</li> </ul> |

### III. PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG, ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

#### Điều 26. Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường

Đối tượng tham vấn:

- Cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi tác động môi trường do các hoạt động của dự án gây ra.
- Cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến dự án đầu tư



Hình thức tham vấn:

- Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử (mới)
- Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến
- Tham vấn bằng văn bản

### III. PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG, ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

#### NỘI DUNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG QUY HOẠCH TỈNH, ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

- Điều 10. Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh
- Điều 11. Nội dung đánh giá môi trường chiến lược

#### ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Điều 12. Nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và biên bản họp tham vấn trong đánh giá tác động môi trường
- Điều 13. Tổ chức và hoạt động của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, hội đồng thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản
- Điều 14. Công khai danh sách hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
- Điều 15. Mẫu văn bản, tài liệu, hồ sơ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
- Điều 16. Thời hạn lấy ý kiến phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi
- Điều 17. Mẫu văn bản, tài liệu, hồ sơ thẩm định, quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và hướng dẫn kỹ thuật cải tạo, phục hồi môi trường



#### IV. GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG, ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

##### Điều 28. Nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm

Kết quả hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Đề xuất nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Kế hoạch, thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm, kèm theo kế hoạch quan trắc chất thải để đánh giá hiệu quả của công trình xử lý chất thải

Đề xuất nội dung thực hiện quan trắc chất thải

#### IV. GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG, ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

##### Điều 28. Nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường

Đề xuất kế hoạch, các biện pháp xử lý chất thải kèm theo thuyết minh và phương án thiết kế xây dựng

Các nội dung bảo vệ môi trường đặc thù

Kế hoạch, thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm, kèm theo kế hoạch quan trắc chất thải để đánh giá hiệu quả của công trình xử lý chất thải

Đề xuất nội dung thực hiện quan trắc chất thải

#### IV. GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG, ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

##### Điều 28. Nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II

Kết quả quan trắc môi trường trong 02 năm trước liền kề đối với trường hợp phải thực hiện quan trắc chất thải

Đề xuất nội dung thực hiện quan trắc chất thải

#### IV. GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG, ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

##### Điều 28. Nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án nhóm III

Đề xuất kế hoạch, các biện pháp xử lý chất thải kèm theo thuyết minh và phương án thiết kế xây dựng

Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường

Kế hoạch, thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm, kèm theo kế hoạch quan trắc chất thải để đánh giá hiệu quả của công trình xử lý chất thải

#### IV. GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG, ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

##### Điều 28. Nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III

Các nguồn chất thải phát sinh

Kết quả quan trắc môi trường trong 01 năm trước liền kề đối với trường hợp phải thực hiện quan trắc chất thải

Đề xuất nội dung thực hiện quan trắc chất thải



#### IV. GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG, ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

**Điều 29. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường**

**Điều 30. Cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường**

**Điều 31. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường**

**Điều 32. Đối tượng được miễn đăng ký môi trường**

Hồ sơ, trình tự, thủ tục

Cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi

Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Đối tượng được miễn đăng ký môi trường

#### IV. GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG, ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

**Điều 18. Nguyên tắc làm việc và trách nhiệm của hội đồng thẩm định, tổ thẩm định, đoàn kiểm tra, tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường**

**Điều 20. Quan trắc chất thải bổ sung đối với cơ sở đang hoạt động khi đề nghị cấp giấy phép môi trường**

- Tư vấn cho cơ sở đang hoạt động quan trắc chất thải bổ sung khi đề nghị cấp giấy phép môi trường;

Lưu ý:

+ Điểm e, khoản 3 điều 28 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được thực hiện như sau: lấy mẫu đơn (đối với nước thải) trong 05 ngày liên tiếp và lấy mẫu tổ hợp (đối với khí thải) trong 02 ngày liên tiếp để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý nước thải, khí thải (nếu có).

+ Khoản 5 Điều 28 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được thực hiện như sau: lấy 01 mẫu đơn (đối với nước thải) và lấy 01 mẫu tổ hợp (đối với khí thải) để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý nước thải, khí thải (nếu có).

#### IV. GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG, ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

##### Điều 21. Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án, cơ sở

###### Công trình xử lý nước thải

- TCVN 5999:1995 (ISO 5667-10:1992)
- Mẫu tổ hợp
- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải
- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải

###### Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Mẫu tổ hợp
- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của từng công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải
- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

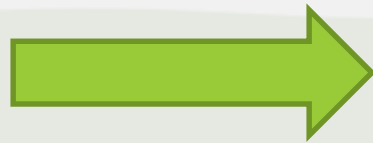
###### Chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường

- theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại

## **MỤC 2. HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG**

MHCEM

Nghị định 08



Quy định tại chương VIII gồm các điều: 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

Thông tư 02



Quy định tại các điều: 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63.

## I. THÔNG TIN MÔI TRƯỜNG

### Điều 99. Quản lý thông tin môi trường

#### Quy định chi tiết nội dung thông tin môi trường:

Thông tin về nguồn thải

Thông tin về chất thải

Thông tin về hiện trạng chất lượng môi trường

Thông tin về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

#### Các hoạt động quản lý thông tin môi trường:

Thu nhận thông tin

Tích hợp, lưu giữ thông tin

Cung cấp thông tin

Xử lý tổng hợp thông tin



## I. THÔNG TIN MÔI TRƯỜNG

### Điều 100. Cung cấp thông tin môi trường cho cơ quan quản lý thông tin môi trường

- Theo các hình thức: hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, báo cáo và các hình thức khác theo quy định của pháp luật

- Thời điểm cung cấp thông tin

- Đơn vị cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin

### Điều 101. Cung cấp thông tin môi trường theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân

- Tuân thủ quy định của pháp luật

- Thông qua các dịch vụ công trực tuyến, dữ liệu số, thỏa thuận hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật

- Thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định.



## I. THÔNG TIN MÔI TRƯỜNG

### Điều 102. Công khai thông tin môi trường

a) Công khai trên trang thông tin điện tử hoặc bằng thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường trực thuộc;

b) Đối với quan trắc tự động, liên tục, thời điểm công khai thực hiện ngay sau khi có kết quả quan trắc và công khai kết quả trong thời gian 30 ngày;

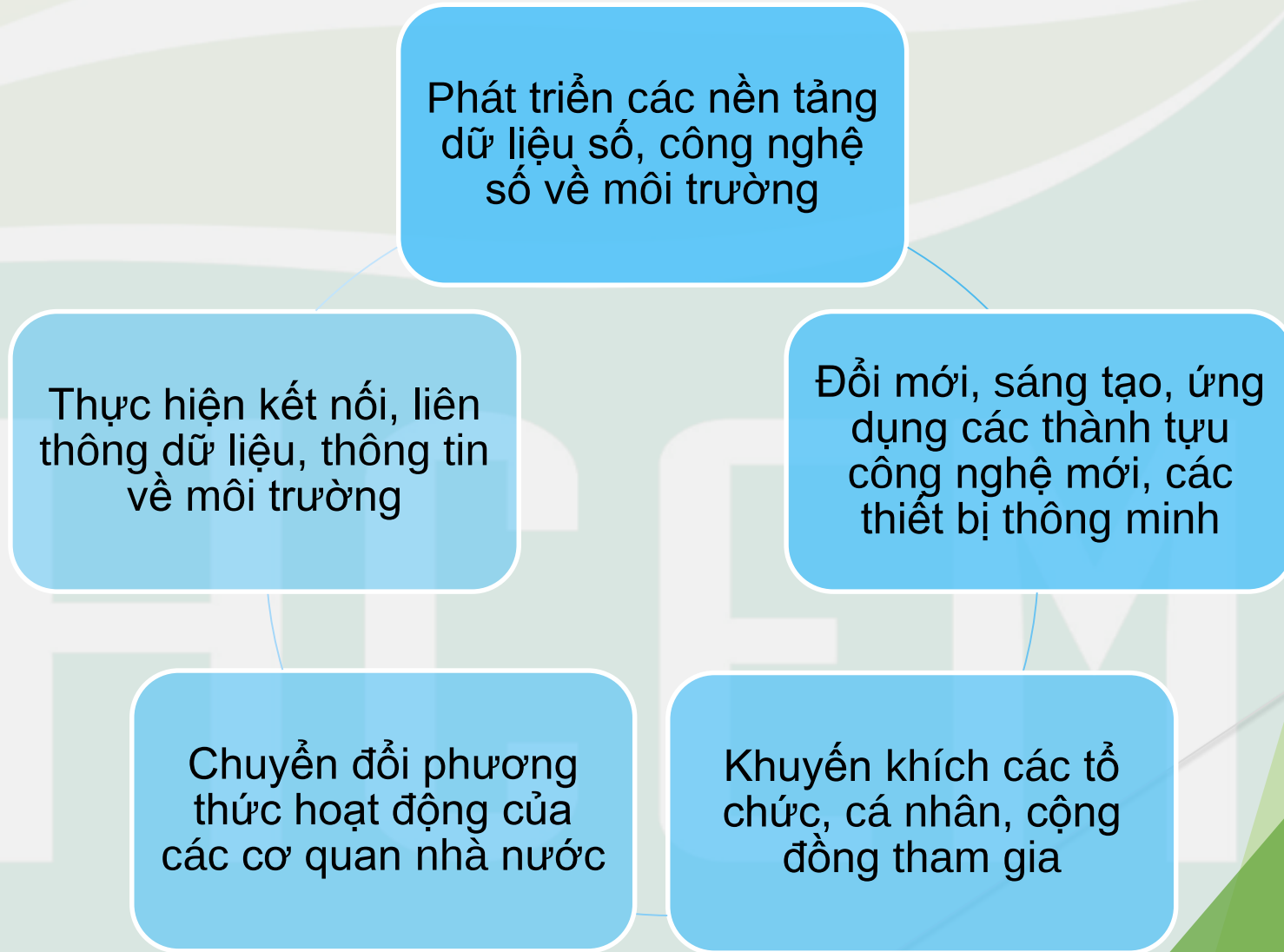
c) Đối với quan trắc định kỳ, thời điểm công khai chậm nhất là 05 ngày sau khi có báo cáo kết quả quan trắc cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định.

**Khoản 10. Thông tin môi trường bắt buộc phải công khai theo quy định của pháp luật khác có liên quan thì việc công khai được thực hiện theo quy định của pháp luật đó.**



## II. HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

Điều 103. Chính sách đầu tư xây dựng, sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường



## II. HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

### Điều 104. Bảo đảm hoạt động của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường các cấp

1

- Bố trí kinh phí đầu tư, xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường theo quy định;
- Bảo đảm điều kiện về con người, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

2

- Nhân lực vận hành và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường được tận dụng từ nguồn nhân lực tại chỗ hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật

3

- Ưu tiên, khuyến khích đầu tư theo phương thức hợp tác với khu vực tư nhân, các hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, tận dụng nguồn lực của các thành phần kinh tế

4

- xây dựng các quy định kỹ thuật, hướng dẫn triển khai xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường các cấp
- kiểm tra, giám sát quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu môi trường theo quy định của pháp luật

## II. HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

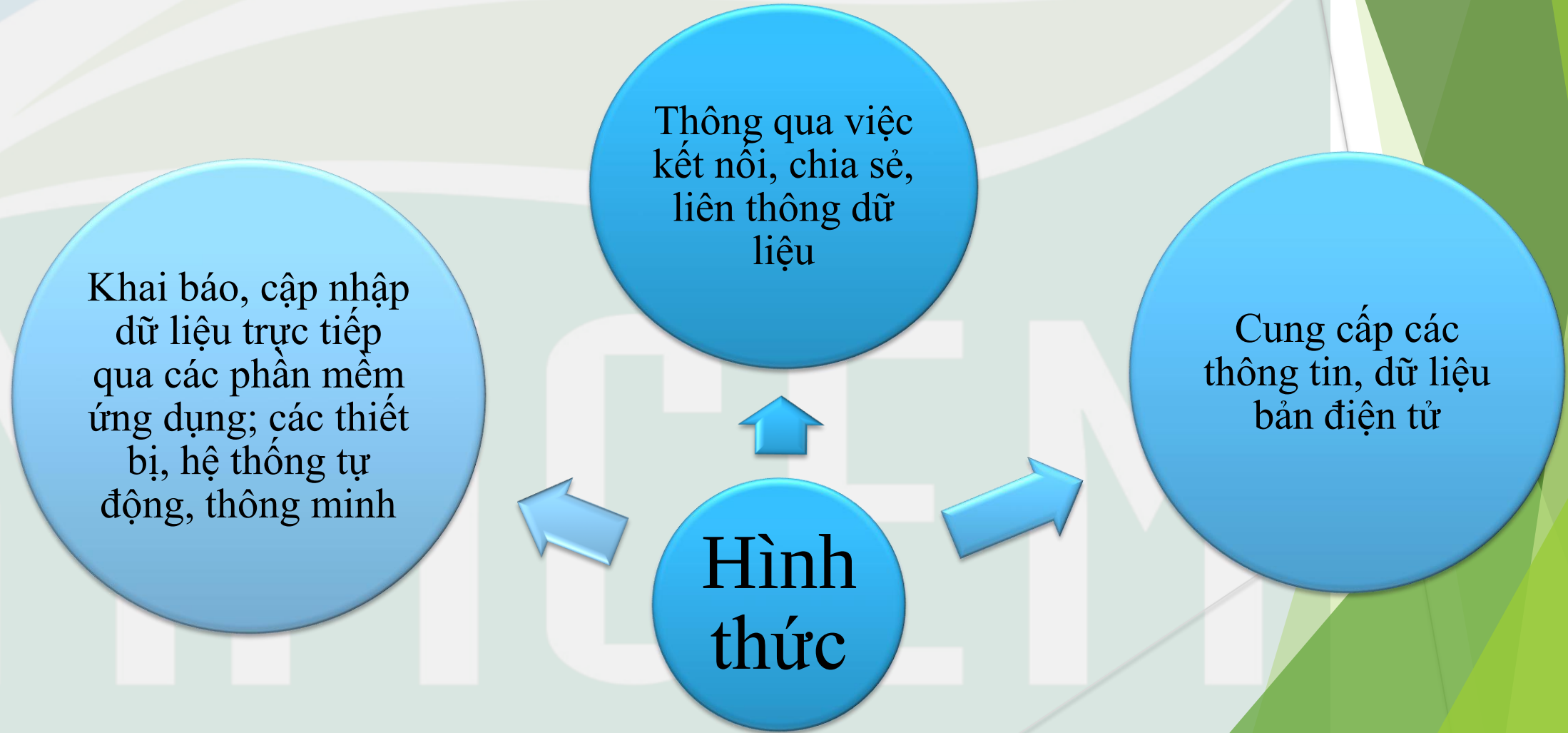
### Điều 105. Yêu cầu đối với cơ sở dữ liệu môi trường các cấp

| Cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia                                                                                                                                                                                                                                       | Cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh                                                                                                                                                                                                                                 | Cơ sở dữ liệu môi trường các bộ, cơ quan ngang bộ                                                                                                                                                                                                         | Cơ sở dữ liệu môi trường chuyên ngành                                                                                                                                                                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Liên kết, tích hợp từ các cơ sở dữ liệu môi trường chuyên ngành và cơ sở dữ liệu môi trường trên phạm vi toàn quốc</li> <li>Do Bộ Tài nguyên và Môi trường thông qua cơ quan chuyên môn xây dựng, vận hành và quản lý</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Theo địa bàn và phân cấp quản lý</li> <li>Do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh xây dựng, vận hành và quản lý; bảo đảm liên thông và cung cấp, cập nhật thông tin về môi trường vào cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Theo phạm vi ngành, lĩnh vực</li> <li>Do các bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng, vận hành và quản lý; bảo đảm liên thông và cung cấp, cập nhật thông tin về môi trường vào cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Về một lĩnh vực môi trường chuyên ngành</li> <li>Được xây dựng, vận hành và quản lý theo yêu cầu quản lý</li> <li>Cung cấp thông tin, dữ liệu cho cơ sở dữ liệu quốc gia về môi trường</li> </ul> |

- Cơ sở dữ liệu môi trường các cấp phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan;
- Tuân thủ khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh hiện hành;
- Đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định;
- Sử dụng thống nhất danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia
- Việc kết nối, chia sẻ, liên thông giữa cơ sở dữ liệu môi trường các cấp phải tuân thủ các quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số trong cơ quan nhà nước
- Các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## II. HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

Điều 106. Cung cấp, cập nhật thông tin, dữ liệu cho cơ sở dữ liệu môi trường





## II. HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

Điều 107. Xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu môi trường

### Nhiệm vụ

Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường

Thu nhận, tạo lập, nhập, tích hợp, kết nối dữ liệu vào cơ sở dữ liệu.

Kiểm tra, đánh giá về quản lý chất lượng dữ liệu

Phân tích dữ liệu, tổng hợp dữ liệu

Ban hành danh mục dữ liệu mở trong lĩnh vực môi trường, tổ chức xây dựng kế hoạch và triển khai công bố dữ liệu mở trong lĩnh vực môi trường

Vận hành, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của dữ liệu

## II. HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

### Điều 55. Yêu cầu chung của hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường



## II. HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

### Điều 56. Chức năng cơ bản của hệ thống thông tin môi trường



## II. HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

### Các yêu cầu kỹ thuật

#### Điều 57

- Yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống thông tin môi trường

#### Điều 58

- Yêu cầu về kết nối, chia sẻ, liên thông giữa các cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia, Bộ, cơ quan ngang Bộ và cấp tỉnh

#### Điều 59

- Bảo đảm sự toàn vẹn và tính pháp lý của thông tin, dữ liệu môi trường trong cơ sở dữ liệu môi trường các cấp

#### Điều 60

- Thông tin, dữ liệu cơ bản của cơ sở dữ liệu môi trường

#### Điều 61

- Dữ liệu danh mục dùng chung của cơ sở dữ liệu môi trường

#### Điều 62

- Dữ liệu chia sẻ mặc định của cơ sở dữ liệu môi trường

- Nghị định: 85/2016/NĐ-CP, 47/2020/NĐ-CP , 08/2022/NĐ-CP
- Thông tư: 03/2017/TT-BTTTT, 10/2021/BTNMT

## II. HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

### PHỤ LỤC V. MẪU BIỂU VỀ THÔNG TIN, DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

Mẫu số 01: Thông tin, dữ liệu cơ bản của cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia và cấp tỉnh

Mẫu số 02: Danh mục dùng chung của cơ sở dữ liệu môi trường các cấp

Mẫu số 03: Dữ liệu chủ và dữ liệu chia sẻ mặc định khác của cơ sở dữ liệu môi trường các cấp

## **MỤC 3. BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG**

MHC EM



## Điều 63. Xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường

Xây dựng dự thảo báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước trên cơ sở đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Tổ chức lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về dự thảo báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước

Nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo báo cáo trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo quy định

**Điều 64.** Đánh giá kết quả công tác bảo vệ môi trường

**Điều 65.** Hình thức, phương thức gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường

**Điều 66.** Nội dung, hình thức và thời gian gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ



## BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

### Điều 67. Phương pháp lập báo cáo hiện trạng môi trường

#### Động lực D

- Phát triển kinh tế - xã hội, nguyên nhân sâu xa của các biến đổi môi trường

#### Sức ép – P

- Các nguồn thải trực tiếp gây ô nhiễm và suy thoái môi trường

#### Hiện trạng – S

- Hiện trạng chất lượng môi trường

#### Tác động – I

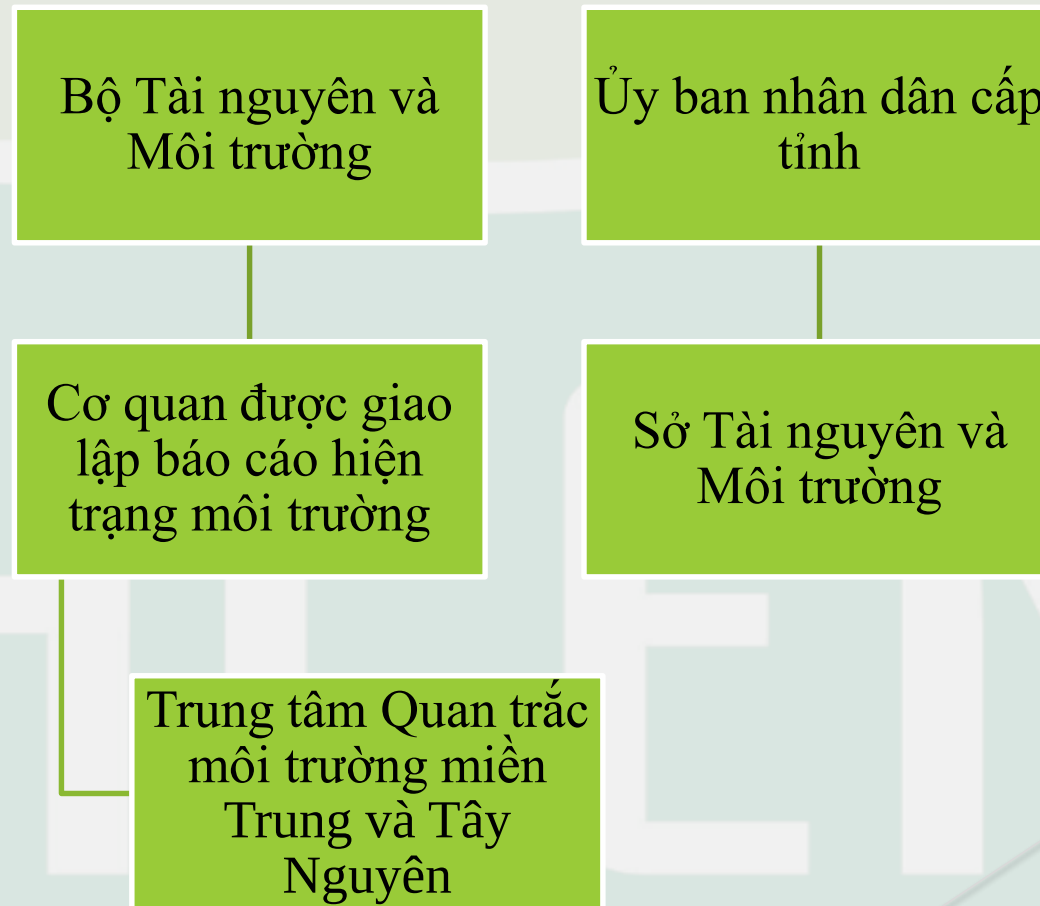
- Tác động của ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe cộng đồng, hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và môi trường sinh thái

#### Đáp ứng – R

- Các đáp ứng của nhà nước và xã hội để bảo vệ môi trường

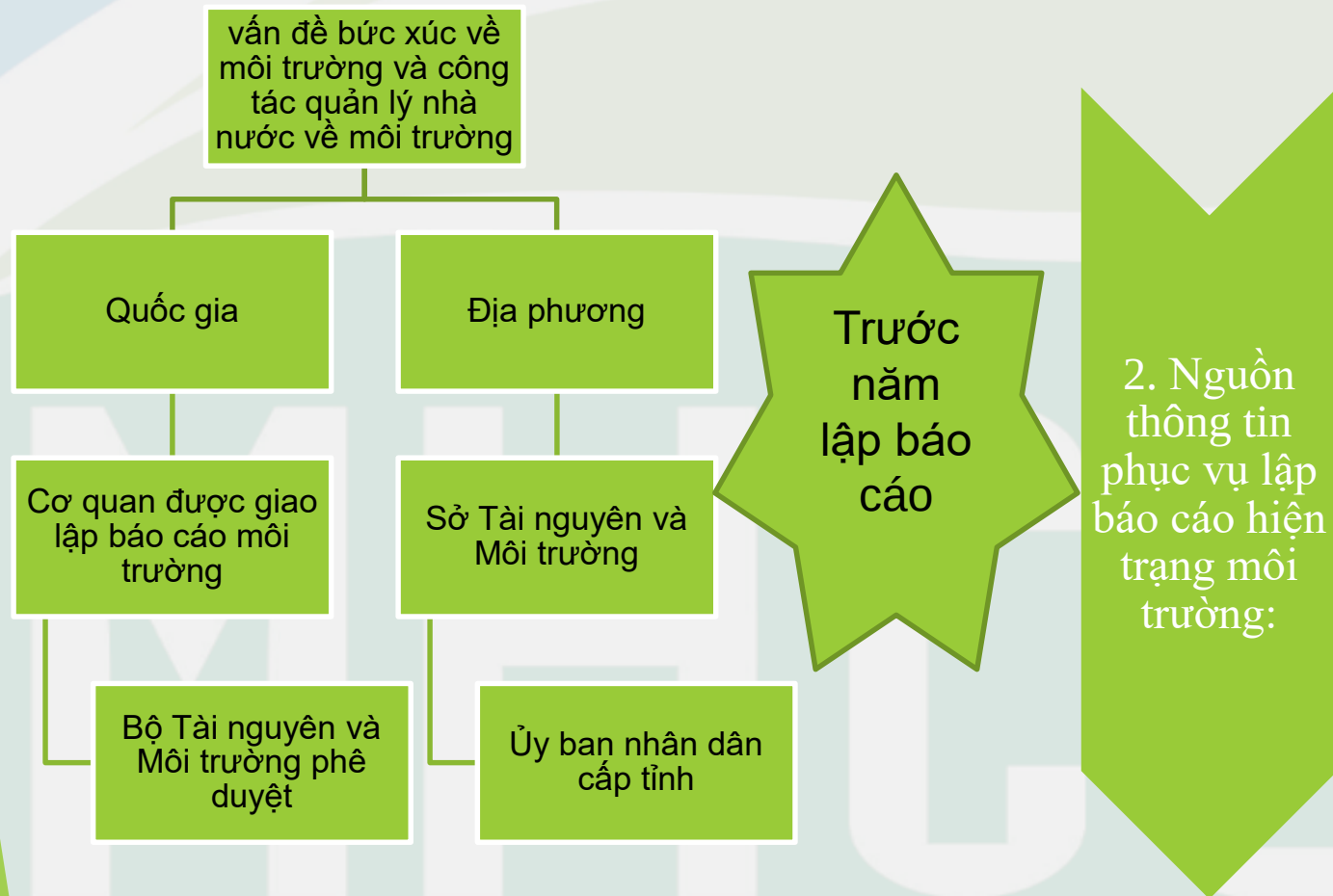
## BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

### Điều 68. Trách nhiệm và kinh phí lập báo cáo hiện trạng môi trường



# BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

## Điều 69. Tổ chức lập báo cáo hiện trạng môi trường



- a) Thông tin môi trường từ các báo cáo tổng quan và báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường quốc gia, báo cáo tổng quan và báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường của địa phương đã được phê duyệt;
- b) Thông tin từ các niên giám thống kê quốc gia, ngành và địa phương;
- c) Kết quả các chương trình quan trắc môi trường;
- d) Thông tin từ các bộ, cơ quan ngang bộ, các sở, ban, ngành liên quan;
- đ) Thông tin từ các nguồn khác: kết quả của các chương trình nghiên cứu khoa học hoặc đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ và cấp tỉnh đã được nghiệm thu;
- e) Thông tin từ các chương trình điều tra, khảo sát bổ sung về những vấn đề môi trường chuyên đề nhằm mục đích hỗ trợ dữ liệu cho công tác lập báo cáo hiện trạng môi trường.

## BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

### Điều 70. Cấu trúc, nội dung báo cáo hiện trạng môi trường

#### PHỤ LỤC VI. MẪU BIỂU VỀ BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Mẫu số 06: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp

Mẫu số 07: Cấu trúc, nội dung báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường quốc gia và địa phương

### Điều 71. Trình, phê duyệt báo cáo hiện trạng môi trường

Cơ quan được giao lập báo cáo hiện trạng môi trường

Bộ Tài nguyên và Môi trường

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường



## II. HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

### PHỤ LỤC VI. MẪU BIỂU VỀ BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Mẫu số 01: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Mẫu số 02: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Ban quản lý khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghiệp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Mẫu số 03: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Mẫu số 04: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của bộ, cơ quan ngang bộ

Mẫu số 05: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Mẫu số 06: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp

Mẫu số 07: Cấu trúc, nội dung báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường quốc gia và địa phương

Mẫu số 08: Cấu trúc, nội dung báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường quốc gia và địa phương

Mẫu số 05.A: áp dụng đối với cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường

Mẫu số 05.B: áp dụng đối với cơ sở thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường

**Xin trân trọng  
cảm ơn!**

